

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh số lượng người làm việc tại Phụ lục số II kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 quyết định biên chế công chức, phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh số lượng người làm việc tại Phụ lục số II kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 quyết định biên chế công chức, phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 26 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HUỖNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Đơn vị	Điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc						Tổng số giao	Ghi chú
		Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&TT	Sự nghiệp Khoa học	Sự nghiệp khác			
TỔNG CỘNG		6.894	985	267	15	486	8.647		
I	CẤP TỈNH	680	984	107	15	333	2.119		
1	Văn phòng UBND tỉnh					43	43	Giữ nguyên	
2	Sở Nội vụ	1	12			40	53	Giữ nguyên	
3	Sở Tư pháp					33	33	Giữ nguyên	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường					134	134	Giữ nguyên	
5	Sở Khoa học và Công nghệ				15	19	34	Giữ nguyên	
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			107		1	108	Giữ nguyên	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	677					677	Giữ nguyên	
8	Sở Y tế	2	972			53	1.027		
9	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh					10	10	Giữ nguyên	
II	CÁC ĐƠN VỊ SNCL THUỘC UBND TỈNH	83	1	54	0	62	200		
1	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể					62	62	Giữ nguyên	
2	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	83	1				84	Giữ nguyên	
3	Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn			54			54	Giữ nguyên	
II	UBND CẤP HUYỆN	6.131		106		91	6.328		
1	UBND thành phố Bắc Kạn	620		13		17	650		
2	UBND huyện Ba Bể	957		14		11	982		
3	UBND huyện Ngân Sơn	633		13		9	655		
4	UBND huyện Chợ Đồn	960		14		11	985		
5	UBND huyện Na Rì	892		12		11	915		
6	UBND huyện Bạch Thông	591		14		11	616		
7	UBND huyện Chợ Mới	696		14		10	720		
8	UBND huyện Pác Nặm	782		12		11	805		